

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/4/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Trần Văn Tiền
 2. Bà: Nguyễn Thị Mười
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc: “***Xin ly hôn***” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1978.

+ Bị đơn: **Huỳnh Phước T**, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Số 07, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Phước T tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn vợ chồng sống thuê nhà trọ sống tại thành phố Hồ Chí Minh để đi làm được một thời gian về sống cùng với gia đình của anh T tại xã B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm và không quan tâm lẫn nhau. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị và anh T đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Tiến T, sinh ngày 08/12/2002 hiện đang sống chung với anh T. Do chị chưa có điều kiện nên chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con, chị sẽ cấp dưỡng cho anh T nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Phước T vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 24/02/2020 như sau:

Anh và chị H kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, chị H ra ngoài sống và ly thân với anh. Nay, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Anh và chị H có 01 con chung tên Huỳnh Tiến T, sinh ngày 08/12/2002 hiện do anh nuôi dưỡng. Anh đồng ý tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Việc chị H có cấp dưỡng nuôi con hay không anh không ý kiến.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/8/2000. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Huỳnh Phước T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Huỳnh Phước T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Phước T tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị H cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống. Chị nhiều lần động viên khuyên giải và tạo điều kiện để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay, chị H khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên xin ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng do bận công việc nên anh xin vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do anh T vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị được mà căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh T và chị H được ly hôn.

[3] Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 01 con chung tên Huỳnh Tiến T, sinh ngày 08/12/2002 cho nên cần xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng. Chị H đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, và chị cấp dưỡng cho anh T nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Anh T đồng ý tiếp tục nuôi con còn việc chị H cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha

mẹ đối với con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu T được anh T quan tâm chăm sóc tốt không thấy có vi phạm gì, hiện cháu T cũng có nguyện vọng được sống với cha. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con chưa thành niên nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Xử cho anh T được tiếp tục nuôi con chung. Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Huỳnh Phước T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Phước T được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Huỳnh Phước T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Tiến T, sinh ngày 08/12/2002 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh T nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Chị H, anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009717 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng